

Số: 43/2024/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 35, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc HN&GD:

1. Anh: **Lương Văn L**, sinh ngày: 10/10/1992.

2. Chị: **Phạm Thị C**, sinh ngày: 02/10/1994.

Cùng địa chỉ: **Bản T, xã T, huyện Q, Thanh Hóa**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lương Văn L** và chị **Phạm Thị Cam** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2012. Sau khi kết hôn, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc, đến năm 2023 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh chị sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa anh **L** và chị **C** không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh, chị yêu cầu Tòa án công

nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, anh, chị đã thực sự tự nguyện ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu của anh chị, công nhận thuận tình ly hôn của anh **L** và chị **C** theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh **Lương Văn L** và chị **Phạm Thị C** có 02 con chung là cháu **Lương Thị Ánh T**, sinh ngày 25/01/2014 và cháu **Lương Anh T1**, sinh ngày 21/07/2017. Hiện tại các cháu đang ở với bố. Nay ly hôn Anh **Lương Văn L** và chị **Phạm Thị C** đã thỏa thuận, giao cả 02 cháu cho anh **L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị **C** cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ cháu, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh **Lương Văn L** và chị **Phạm Thị C** thỏa thuận, chị **C** nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; việc không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của họ. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lương Văn L** và chị **Phạm Thị C** thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh **Lương Văn L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu **Lương Thị Ánh T**, sinh ngày 25/01/2014 và cháu **Lương Anh T1**, sinh ngày 21/07/2017, cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Chị **C**

cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/cháu, cho đến khi từng cháu cháu đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số: 31/2012, ngày 07/11/2012 của UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị C nộp lệ phí việc HN&GD sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo biên lai thu số 0006502 ngày 03/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa (03 bản);
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Thành Sơn, H. Quan Hóa;
- Lưu hồ sơ việc HN&GD.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh